

**1A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6 NH 25-26**

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số tự nhiên	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	1 (TN1) 0,25đ		1 (TN5) 0,25đ	2 (TL2b,3a) 1,5đ					4
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	2 (TN2,3) 0,5đ					1 (TL5) 1đ		1 (TL8) 0,5đ	
2	Số nguyên	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên, ước bội trong số nguyên	1 (TN 4) 0,25đ	1 (TL1) 0,5đ							2,75
		Các phép tính với số nguyên.				2 (TL2a,3b) 1,5đ		1 (TL4) 0,5đ			
3	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1 (TN6) 0,25đ								2
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.			1 (TN 7) 0,25đ			1 (TL6) 1,5đ			
4	Một số yếu tố thống kê.	Thu thập và tổ chức dữ liệu.	1 (TN8) 0,25đ								1,25
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ. (giới hạn nội dung đến bài 3: Biểu đồ tranh)		1 (TL7) 1đ							
<b>Tổng: Số câu</b>			6	2	2	2		3		1	
<b>Điểm</b>			1,5	1,5	0,5	3,0		3		0,5	10,0
<b>Tỉ lệ %</b>			30%		35%		20%		5%		100%
<b>Tỉ lệ chung</b>			75%				25%				100%

**1B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6**

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
<b>SỐ - ĐẠI SỐ</b>							
1	Tập hợp các số tự nhiên	<p>Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên.</p> <p>Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên.</li> <li>- Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính.</li> <li>- Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân.</li> <li>- Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã.</li> <li>- Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên.</li> <li>- Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.</li> </ul>	1TN (TN1)	1 (TN5)  2TL (TL2b,3a, 2)		
		<p>Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.</li> <li>- Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.</li> <li>- Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư.</li> <li>- Nhận biết được phân số tối giản.</li> <li>- Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>) gắn với thực hiện các phép tính về số tự nhiên</li> </ul>	2TN (TN2,3)		1TL (TL8)	1TL (TL8)
2	Số nguyên	<p>Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên.</p> <p>Thứ tự trong tập hợp các số nguyên</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên.</li> <li>- Nhận biết được số đối của một số nguyên.</li> <li>- Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên</li> <li>- Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn</li> </ul>	1TN (TN 4)  1TL (TL1)			
		<p>Các phép tính với số nguyên.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ trong tập hợp các số nguyên.</li> <li>- Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên.</li> </ul>		2TL (TL2a, 3b)	1TL (TL4)	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).</li> <li>- Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên (ví dụ: tính lỗ lãi khi buôn bán,...).</li> </ul>				
<b>HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG</b>							
3	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.</li> </ul>	1TN (TN6)			
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.</li> <li>- Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.</li> <li>- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...).</li> <li>- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên.</li> </ul>		<b>1TN (TN7)</b>	<b>1TL (TL6)</b>	
<b>MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT</b>							
4	Một số yếu tố thống kê	Thu thập và tổ chức dữ liệu.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản.</li> </ul>	1T (TN 8)			
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh.</li> </ul>	<b>1TL (TL7)</b>			

**Đề chính thức**

**Thời gian làm bài: 90 phút**

(Đề có 03 trang)

(Không kể thời gian phát đề)

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)**

*Hãy chọn đáp án đúng nhất cho các câu sau và trình bày vào giấy thi:* (ví dụ: Câu 1 chọn đáp án A thì ghi Câu 1- A)

**Câu 1.** Gọi  $A$  là tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 5. Cách viết **đúng** là:

- A.  $A = \{1; 2; 3; 4\}$ .      B.  $A = \{0; 1; 2; 3; 4\}$ .      C.  $A = \{1; 2; 3; 4; 5\}$ .      D.  $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5\}$ .

**Câu 2.** Không thực hiện phép tính, hãy cho biết trong các tổng sau, tổng chia hết cho 5 là:

- A.  $10 + 25 + 34 + 2000$ .      B.  $12 + 25 + 2000 + 1997$ .  
C.  $25 + 15 + 33 + 45$ .      D.  $5 + 10 + 70 + 1995$ .

**Câu 3.** Trong các cặp số sau, cặp số nào là hai số nguyên tố cùng nhau?

- A. (91; 7)      B. (9; 8)      C. (15; 12)      D. (133; 19)

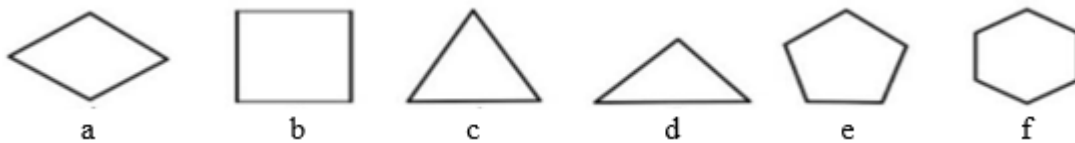
**Câu 4.** Tập hợp tất cả các ước số nguyên của 3 là:

- A.  $Ư(3) = \{1; 3\}$ .      B.  $Ư(3) = \{-3; -1; 0; 1; 3\}$ .  
C.  $Ư(3) = \{-1; -3\}$ .      D.  $Ư(3) = \{-3; -1; 1; 3\}$ .

**Câu 5:** Trong các khẳng định sau. Khẳng định nào đúng?

- A.  $x^6 \cdot x^2 = x^3$       B.  $x^6 \cdot x^2 = x^4$       C.  $x^6 \cdot x^2 = x^8$       D.  $x^6 \cdot x^2 = x^{12}$

**Câu 6.** Quan sát các hình sau và cho biết hình nào là hình vuông, hình nào là hình tam giác đều, hình nào là hình lục giác đều?



A. Hình

vuông là b, tam giác đều là d, lục giác đều là e.

B. Hình vuông là a, tam giác đều là c, lục giác đều là f.

C. Hình vuông là a, tam giác đều là d, lục giác đều là e.

D. Hình vuông là b, tam giác đều là c, lục giác đều là f.

**Câu 7.** Những hình nào sau đây có hai đường chéo bằng nhau?

A. Hình chữ nhật, hình thang cân, hình vuông.

B. Hình chữ nhật, hình thoi, hình vuông.

C. Hình thoi, hình chữ nhật, hình thang cân.

D. Hình thang cân, hình bình hành, hình chữ nhật.

**Câu 8.** Cho bảng thu thập nhiệt độ các học sinh lớp 6A như sau :

Tên học sinh	My	Nhân	Lam	Huy	Nguyễn	Phuong	Như	Thảo	Tâm
độ ( $^{\circ}C$ )	37	36	36,7	37,5	-37	37,1	36,5	36,7	37,3

Học sinh nào có nhiệt độ cơ thể không hợp lý trong bảng dữ liệu ?

A. Nhân.

B. Lam

C. Nguyễn

D. Tâm.

## PHẦN II. TỰ LUẬN (8,0 điểm)

**Câu 1: (0,5 điểm)** Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần:  $-5$ ;  $16$ ;  $0$ ;  $-201$ ;  $-2025$ ;  $9$

**Câu 2: (1,5 điểm)** Thực hiện phép tính:

a)  $12 + (-100) + (-12) + 180$

b)  $33.68 + 68.67 - 2^3.5^2$

**Câu 3: (1,5 điểm)** Tìm  $x$  trong mỗi câu sau:

a)  $3x + 12 = 36$

b)  $(x - 12) - 9 = -18$

**Câu 4: (0,5 điểm)** Nhiệt độ ban đầu trong một kho lạnh là  $(-20^{\circ}C)$ . Do yêu cầu bảo quản hàng hóa, người quản lý kho tiếp tục giảm  $3^{\circ}C$ . Sau đó, do hàng hóa được lấy bớt nên quản lý kho tăng nhiệt độ thêm  $5^{\circ}C$ . Hỏi sau khi tăng, nhiệt độ hiện tại của kho lạnh là bao nhiêu?

**Câu 5: (1,0 điểm)** Học sinh khối 6 của một trường THCS tham gia hoạt động theo chủ đề “Tháng an toàn giao thông” do trường tổ chức. Số học sinh trong khoảng từ 350 em đến 450 em. Khi xếp hàng, các em xếp hàng 9, hàng 10, hàng 12 đều vừa đủ. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh khối 6?

**Câu 6: (1,5 điểm).** Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi là 72m và chiều dài 20m. Ở giữa xây dựng một nhà chòi hình vuông để sinh hoạt có cạnh là 10m.

a) Tính diện tích mảnh đất và diện tích của nhà chòi.



b) Người ta định dùng những viên gạch chống trượt có dạng hình vuông với cạnh 50cm để lát đường đi. Cần dùng bao nhiêu viên gạch như thế? Biết diện tích các mối nối và sự hao hụt không đáng kể.



**Câu 7: (1,0 điểm)** Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số bánh mì mà cửa hàng bán được trong bảy ngày:

Từ biểu đồ tranh, em hãy cho biết ngày nào bán được nhiều nhất và ngày đó bán được bao nhiêu cái bánh? (Học sinh trình bày rõ phép tính đã thực hiện).

<b>Số bánh mì bán được trong bảy ngày</b>	
Ngày thứ nhất	
Ngày thứ hai	
Ngày thứ ba	
Ngày thứ tư	
Ngày thứ năm	
Ngày thứ sáu	
Ngày thứ bảy	

Trong đó:  = 100 bánh;  = 50 bánh.

**Câu 8: (0,5 điểm).** Tìm hai số biết tích của chúng là 144 và tổng của chúng là 30.

----Hết---

Họ tên học sinh: -----Lớp: ----- SBD: -----

*(Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.)*

**I. TRẮC NGHIỆM:** (2,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25điểm.

<b>Câu</b>	1	2	3	4	5	6	7	8
<b>Đ/án</b>	B	D	B	D	C	D	A	C

**II. TỰ LUẬN:** (8,0 điểm)

<b>Bài</b>	<b>Lời giải</b>	<b>Điểm</b>																
<b>1</b> (0,5đ)	$-2025; -201; -5; 0; 9; 16$	0,5																
<b>2a</b> (0,75đ)	$12 + (-100) + (-12) + 180 = 12 + (-12) + 180 + (-100)$ $= 0 + 80 = 80$	0,5 0,25																
<b>b</b> (0,75đ)	b) $33 \cdot 68 + 68 \cdot 67 - 2^3 \cdot 5^2 = 68(33 + 67) - 200$ $= 68 \cdot 100 - 200$ $= 6800 - 200 = 6600$	0,25+0,25 0,25																
<b>3a</b> (0,75đ)	a) $3 \cdot x + 12 = 36$ $3 \cdot x = 36 - 12 = 24$ $x = 24 : 3 = 8$	0,5 0,25																
<b>3b</b> (0,75đ)	b) $(x - 12) - 9 = -18$ $x - 12 = -18 + 9$ $x - 12 = -9$ $x = -9 + 12$ $x = 3$	0,25 0,25 0,25																
<b>4</b> (0,5đ)	Nhiệt độ hiện tại của kho lạnh là: $(-20) - 3 + 5 = -18 \text{ }^\circ\text{C}$	0,5																
<b>5</b> (1đ)	+ Gọi số học sinh khối 6 là a (học sinh) ( $a \in \mathbb{N}^*$ ) + Lập luận được : $a \in BC(9; 10; 12)$ và $350 \leq a \leq 450$ Tính được : $BCNN(9; 10; 12) = 180$ Lập luận được : $a = 360$ và kết luận	0,25 0,25 0,25 0,25																
<b>6a</b> (1đ)	a/ Chiều rộng miếng đất là: $(72 : 2) - 20 = 16$ (m) Diện tích miếng đất là: $20 \cdot 16 = 320$ (m <sup>2</sup> ) Diện tích nhà chòi là: $10 \cdot 10 = 100$ (m <sup>2</sup> )	0,25 0,25 0,5																
<b>b</b> (0,5đ)	b/ Diện tích viên gạch: $50 \cdot 50 = 2500$ (cm <sup>2</sup> ) = 0,25 (m <sup>2</sup> ) Số viên gạch cần dùng: $(320 - 100) : 0,25 = 880$ (viên)	0,5																
<b>7</b> (1đ)	Ngày thứ nhất bán được nhiều nhất và bán được: $4 \cdot 100 + 50 = 450$ cái	0,5+0,5																
<b>8</b> (0,5đ)	Hai số đó là: 6 và 24 <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>6</td> <td>8</td> <td>9</td> <td>12</td> </tr> <tr> <td>144</td> <td>72</td> <td>48</td> <td>36</td> <td>24</td> <td>18</td> <td>16</td> <td>12</td> </tr> </table>	1	2	3	4	6	8	9	12	144	72	48	36	24	18	16	12	0,5
1	2	3	4	6	8	9	12											
144	72	48	36	24	18	16	12											